

Bản án số: 314/2024/DS-PT

Ngày 15 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C ..

- Bị đơn: 1. Ông Quách Văn T, sinh năm 1986 (có mặt).

2. Bà Trần Thị Cẩm N2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Quách Văn T: Luật sư Trịnh Thanh Liệt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bị đơn là ông Quách Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Lê Văn N1 do người đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Vào ngày 10/12/2021 âm lịch, ông Lê Văn N1 có tham gia chơi hui do ông

Quách Văn T và bà Trần Thị Cẩm N2 làm chủ, đây hội 3.000.000 đồng, mở ngày 10/12/2021 âm lịch, mỗi tháng mở một lần, đây gồm 60 chân, ông N1 tham gia 01 chân, đã đóng được 22 kỳ thì ông T, bà N2 tuyên bố đình hội. Nay yêu cầu ông T và bà N2 thanh toán số tiền hội mà ông T và bà N2 phải trả cho ông N1 mỗi kỳ hội bằng $3.000.000 \times 22$ kỳ bằng 66.000.000 đồng. Ông N1 đồng ý trừ tiền hoa hồng là 1.800.000 đồng theo thỏa thuận khi chơi hội. Nay ông N1 yêu cầu ông T và bà N2 thanh toán 64.200.000 đồng.

Bị đơn, ông Quách Văn T và bà Trần Thị Cẩm N2 trình bày: Ông, bà thừa nhận vợ chồng ông, bà có mở hội 3.000.000 đồng mỗi tháng mở một lần, hội được mở ngày 10/12/2021 âm lịch, gồm 60 chân, ông N1 tham gia 01 chân, ông N1 đã đóng được 22 kỳ như ông N1 trình bày, tổng số tiền hội ông N1 đóng vào 22 kì là 30.369.000 đồng. Cụ thể kỳ thứ 01 đóng số tiền 2.400.000 đồng, kỳ thứ 02 đóng số tiền 1.760.000 đồng, kỳ thứ 03 đóng số tiền 1.650.000 đồng, kỳ thứ 04 đóng số tiền 1.570.000 đồng, kỳ thứ 05 đóng số tiền 1.520.000 đồng, kỳ thứ 06 đóng số tiền 1.440.000 đồng, kỳ thứ 07 đóng số tiền 1.390.000 đồng, kỳ thứ 08 đóng số tiền 1.360.000 đồng, kỳ thứ 09 đóng số tiền 1.480.000 đồng, kỳ thứ 10 đóng số tiền 1.380.000 đồng, kỳ thứ 11 đóng số tiền 1.320.000 đồng, kỳ thứ 12 đóng số tiền 1.280.000 đồng, kỳ thứ 13 đóng số tiền 1.194.000 đồng, kỳ thứ 14 đóng số tiền 1.190.000 đồng, kỳ thứ 15 đóng số tiền 1.210.000 đồng, kỳ thứ 16 đóng số tiền 1.250.000 đồng, kỳ thứ 17 đóng số tiền 1.330.000 đồng, kỳ thứ 18 đóng số tiền 1.130.000 đồng, kỳ thứ 19 đóng số tiền 1.120.000 đồng, kỳ thứ 20 đóng số tiền 1.150.000 đồng, kỳ thứ 21 đóng số tiền 1.125.000 đồng, kỳ thứ 22 đóng số tiền 1.120.000 đồng. Đến tháng 09/2023 thì ông, bà tuyên bố đình hội do có 07 hội viên đã hót hội nhưng không đóng hội chết mà chỉ 15 hội viên đóng hội chết theo thỏa thuận sau khi hót hội mỗi hội viên phải đóng mỗi tháng 3.000.000 đồng/chân hội đã hót. Do đó, ông bà không có khả năng trả tiền hội lại cho những hội viên chưa hót hội trong đó có ông N1. Sau khi đình hội thì ông bà có mời các hội viên thỏa thuận và các hội viên đồng ý cho ông bà thanh toán lại số tiền mà ông, bà đã gom được tiền hội của 15 hội viên đã hót hội với số tiền phải trả cho mỗi chân hội chưa hót là 45.000.000 đồng nhưng trả theo số thứ tự bốc thăm và sẽ được trả hàng tháng. Đối với 7 hội viên đã hót hội nhưng không nộp hội cho ông, bà thì ông bà không trả. Việc thỏa thuận này có ông N1 và một số người không đồng ý. Hiện nay mỗi tháng ông, bà vẫn gom 15 chân hội mà hội viên đã hót với số tiền 3.000.000 đồng/chân hội bằng 45.000.000 đồng để trả cho những người đồng ý thỏa thuận bốc thăm khi đình hội. Nay ông bà không đồng ý thanh toán cho ông N1 số tiền 64.200.000 đồng, mà đồng ý thanh toán cho ông N1 theo số tiền thực đóng là 30.369.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo từng kỳ đóng hội đến ngày 30/3/2024, tổng số tiền vốn và lãi hội là 39.758.754 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1.

Buộc ông Quách Văn T và bà Trần Thị Cẩm N2 liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn N1 số tiền hội 64.200.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/5/2024, ông Quách Văn T là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông T chỉ chấp nhận trả cho ông N1 tổng số tiền hụi và lãi hụi là 39.758.754 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Quách Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng: Trong số 22 chân hụi do các hụi viên đã hốt hụi thì mỗi tháng ông T và bà N2 chỉ gom được tiền hụi của 15 chân hụi bằng 45.000.000 đồng, còn lại 7 chân hụi do hụi viên không nộp hụi nên ông T không đồng ý trả đủ tiền hụi cho ông N1 theo yêu cầu của ông N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T thừa nhận ông N1 có tham gia chơi hụi do ông T, bà N2 làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, đây hụi gồm có 60 chân, ông N1 tham gia 01 chân, đã đóng được 22 kỳ thì hụi thì ông T, bà N2 tuyên bố đình hụi. Ông T cho rằng số tiền hụi ông N1 đã nộp vào 22 kỳ với tổng số tiền là 30.369.000 đồng nên ông T chỉ đồng ý trả lại cho ông N1 số tiền là 30.369.000 đồng và tiền lãi hụi của từng kỳ hụi do ông N1 đóng vào theo lãi suất Nhà nước. Tuy nhiên, ông T vẫn thừa nhận nếu ông T và bà N2 không đình hụi thì khi đến ông N1 hốt hụi, ông N1 sẽ được nhận mỗi kỳ nộp hụi bằng 3.000.000 đồng từ những hụi viên đã hốt hụi đóng vào và khi giao tiền hụi cho ông N1 thì ông T và bà N2 sẽ được hưởng tiền hoa hồng là 1.800.000 đồng. Như vậy ông N1 nộp hụi cho ông T và bà N2 được 22 kỳ thì nếu ông N1 hốt hụi ông N1 sẽ được nhận 66.000.000 đồng, trừ 1.800.000 đồng tiền hoa hồng thì ông T và bà N2 phải giao cho ông N1 64.200.000 đồng. Ông T thừa nhận, sau khi đình hụi cho đến nay, mỗi tháng ông T và bà N2 cũng đã gom hụi của những hụi viên đã hốt hụi mỗi chân hụi là 3.000.000 đồng, tổng số tiền hụi ông T và bà N2 đã gom được 15 chân hụi do các hụi viên đã hốt hụi bằng 45.000.000 đồng. Còn lại 7 chân hụi do các hụi viên không nộp hụi nên ông T và bà N2 không gom được tiền hụi. Như vậy, mặc dù ông T và bà N2 đình hụi nhưng số tiền ông T và bà N2 gom hụi của những hụi viên đã hốt hụi mỗi chân hụi đã hốt mỗi tháng 3.000.000 đồng là bằng với số tiền hụi mà ông T và bà N2 thỏa thuận khi chơi hụi là phải trả tiền hụi cho các hụi viên chưa hốt hụi mỗi kỳ là 3.000.000 đồng. Do đó ông N1 yêu cầu ông T và bà N2 phải trả tiền hụi cho ông N1 tổng số tiền đã nộp 22 kỳ bằng 66.000.000 đồng, ông N1 đồng ý trừ tiền hoa hồng cho ông T và bà N2 1.800.000 đồng nên ông N1 yêu cầu ông T và bà N2 trả 64.200.000 đồng là phù hợp.

[2] Ông T cho rằng đối với 7 chân hụi đã hốt do các hụi viên không nộp hụi hàng tháng cho ông T và bà N2 nên ông T không đồng ý trả tiền cho ông N1 là không có cơ sở, do ông T và bà N2 làm chủ hụi, khi gom hụi của những hụi viên

đã hốt giao cho những hội viên khác khi hốt hội thì ông T và bà N2 được hưởng hoa hồng nên nếu các hội viên đã hốt hội nhưng không nộp hội thì ông T và bà N2 có quyền khởi kiện để yêu cầu các hội viên nộp hội. Do đó, ông T kháng cáo cho rằng do có 07 chân hội do các hội viên đã hốt hội nhưng không nộp hội nên ông T không đồng ý trả tiền hội cho ông N1 là không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T tranh luận cho rằng việc ông T và bà N2 tuyên bố bẻ hội là do các hội viên đã hốt hội không nộp hội cho ông T và bà N2 nên ông T và bà N2 chỉ chấp nhận trả cho ông N1 số tiền hội đã nộp vào là 30.369.000 đồng và trả phần tiền lãi theo lãi suất Nhà nước là không có cơ sở. Do đó, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N1 là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1.

Buộc ông Quách Văn T và bà Trần Thị Cẩm N2 liên đới nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn N1 số tiền hội 64.200.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Quách Văn T và bà Trần Thị Cẩm N2 liên đới chịu số tiền 3.210.000 đồng.

- Ông Lê Văn N1 đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.650.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003185 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông N1 được nhận lại toàn bộ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quách Văn T phải chịu 300.000 đồng, ngày 22/5/2024 ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003533 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

Đinh Cẩm Đào

Bùi Thị Phương Loan

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

